

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002167

Môn học: **Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 04**
 Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**
 Ngày thi: **27/06/2022**
 Phòng thi: **A305**

Tổ: **001**
 Giờ: **14:45**

Số SV có mặt: **36**
 Số bài thi: **36**
 Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1: **Nguyễn Văn Tân**
 Cán bộ coi thi 2: **Lý Văn Tân**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. TH 60%	Điểm HP	Tổ dân vùng tròn cho điểm nguyên
1	2120120709	NGUYỄN MẬU TUẤN	14/08/2002	CCQ2012P		1	<i>Nguyễn Mậu Tuấn</i>	6,9	6,5	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120120522	TRỊNH VŨ HỒNG AN	31/08/2002	CCQ2012P		1	<i>Trình Vũ Hồng An</i>	7,3	7,0	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120120421	NGUYỄN THỊ THANH CÒN	04/06/2002	CCQ2012M		1	<i>Nguyễn Thị Thanh Cón</i>	7,5	7,5	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120120524	ĐỖ CHÍ CÔNG	19/01/2002	CCQ2012P		1	<i>Đỗ Chí Công</i>	9,3	7,5	8,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120491	LÊ THỊ KIỀU DIỄM	11/10/2002	CCQ2012O		1	<i>Nguyễn Thị Kiều Diễm</i>	7,8	6,5	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120120577	NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM	13/05/2002	CCQ2012P		1	<i>Nguyễn Thị Kiều Diễm</i>	8,1	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120260074	HUYỀN THỊ MỸ DUYÊN	07/08/2001	CCQ2026C		1	<i>Nguyễn Thị Mỹ Duyên</i>	6,2	4,5	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120120578	NGUYỄN THỊ THÚY DUYÊN	01/01/2002	CCQ2012P		1	<i>Nguyễn Thị Thúy Duyên</i>	6,8	4,5	5,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120120525	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	08/06/2002	CCQ2012P		1	<i>Trần Thị Mỹ Duyên</i>	7,4	6,0	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120110182	LÊ TIẾN ĐẠT	23/09/2002	CCQ2012O		1	<i>Nguyễn Tiến Đạt</i>	7,1	5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120120183	TRẦN NHẬT ĐOÀN	12/01/2002	CCQ2012F		1	<i>Trần Nhật Đoàn</i>	8,1	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120120394	LÊ THỊ HUƠNG GIANG	21/04/2001	CCQ2012L		1	<i>Nguyễn Thị Hương Giang</i>	7,3	6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120120396	NGUYỄN THÁI GIA HÂN	19/04/2002	CCQ2012L		1	<i>Nguyễn Thái Gia Hân</i>	7,6	6,5	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120110249	HUYỀN TRƯƠNG HẬU	29/11/2002	CCQ2012R		1	<i>Nguyễn Huyền Trang Hậu</i>	7,0	6,0	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120120458	PHẠM ĐIỀU HOA	18/08/2002	CCQ2012N		1	<i>Nguyễn Phạm Điều Hoa</i>	7,5	5,0	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120120400	NGUYỄN THỊ MINH HỘI	07/05/2002	CCQ2012L		1	<i>Nguyễn Thị Minh Hội</i>	5,5	5,5	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120120153	NGUYỄN THỊ HUỆ	30/01/2002	CCQ2012E		1	<i>Nguyễn Thị Huệ</i>	8,9	6,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120120711	NGUYỄN THANH HUỲỀN	15/05/2002	CCQ2012P		1	<i>Nguyễn Thanh Huyền</i>	6,0	4,5	5,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120120459	NGUYỄN VĂN KHÁNH	14/05/2002	CCQ2012N		2	<i>Nguyễn Văn Khánh</i>	7,8	6,5	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120120365	LÂM KIM TÂN	05/07/2002	CCQ2012K		1	<i>Nguyễn Lâm Kim Tân</i>	5,8	6,0	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002167

Môn học: **Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 04**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **27/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A305**

Số SV có mặt: **26**
Số bài thi: **36**
Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 
Trần Quang Hải Lý N.V. Thảo	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đảm vùng tròn cho điểm nguyên
21	2120120217	NGUYỄN THỊ LÊ	06/02/2002	CCQ2012G		1		8,1	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120120012	TRẦN THỊ LÊ	20/11/2002	CCQ2012A		1		7,2	5,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120120219	HUỖNH PHƯƠNG HOÀI	20/08/2001	CCQ2012G		1		8,0	5,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120260082	NGUYỄN HỒNG LINH	26/09/2002	CCQ2026C		1		6,14	5,5	5,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120120405	PHẠM THỊ MỸ LINH	12/11/2001	CCQ2012L		1		5,5	6,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120120047	TRẦN THỊ LINH	17/02/1999	CCQ2012B		1		7,9	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120120582	NGUYỄN THỊ MƠ	29/09/2002	CCQ2012P		1		8,3	6,5	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120120295	THẠCH HỒNG MƠ	17/04/2002	CCQ2012I		1		7,2	6,0	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120120529	DƯƠNG THỊ DIỄM MY	09/03/2002	CCQ2012P		1		8,1	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120200014	NGUYỄN TIẾN NAM	22/02/2000	CCQ2020A		1		8,3	6,0	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120120705	MAI NGỌC NGÂN	21/07/2002	CCQ2012O		2		8,4	7,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120270054	DƯƠNG THỊ THÚY NGỌC	06/03/2002	CCQ2027B		1		8,7	6,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120260121	HÀ NHƯ NGỌC	31/10/2002	CCQ2026D		1		6,3	6,0	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120120432	VŨ THỊ MINH NGUYẾT	21/06/2002	CCQ2012M		1		7,6	6,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120120433	ĐỖ PHÚC NHẬT	06/02/2002	CCQ2012M		1		7,5	6,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120120532	HỒ THỊ HỒNG NHUNG	15/09/2002	CCQ2012P		1		7,9	6,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120270018	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	05/09/2002	CCQ2027A		1		8,7	4,5	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 04

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2

Tổ: 002

Ngày thi: 27/06/2022

Giờ: 14:45

Phòng thi: A401

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 38

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.V
<i>Nguyễn Văn A</i>	<i>Trần Thị B</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Ph	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đảm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120120425	HOÀNG TRẦN THẢO	24/09/2002	CCQ2012M		1	<i>Hoàng Thảo</i>	7.13	6.5	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120120226	NGUYỄN THỊ GẮM	02/02/2002	CCQ2012G		1	<i>Nguyễn Thị Gắm</i>	8.14	6.5	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120120706	NGUYỄN THỊ BẢO	14/11/2001	CCQ2012O		1	<i>Nguyễn Thị Bảo</i>	7.0	6.0	6.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120120025	NGUYỄN THỊ NHƯ	15/07/2002	CCQ2012A		1	<i>Nguyễn Thị Như</i>	7.7	7.0	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120509	ĐỖ THỊ THANH	01/02/2001	CCQ2012O		1	<i>Đỗ Thị Thanh</i>	6.9	5.0	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120120707	HOÀNG THỊ	16/01/2002	CCQ2012O		1	<i>Hoàng Thị</i>	8.14	6.5	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120120478	NGUYỄN MINH	13/02/2002	CCQ2012N		1	<i>Nguyễn Minh</i>	7.6	5.0	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120120479	NGUYỄN CHẨN	17/11/2000	CCQ2012N		1	<i>Nguyễn Chấn</i>	7.3	6.5	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120120442	MA VĂN	09/05/2002	CCQ2012M		2	<i>Ma Văn</i>	7.3	7.5	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120120584	NGUYỄN HIỆP	10/01/2000	CCQ2012P		1	<i>Nguyễn Hiệp</i>	8.1	6.0	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120120440	NGUYỄN THỊ	20/09/2001	CCQ2012M		2	<i>Nguyễn Thị</i>	7.9	6.5	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120120410	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	25/01/2002	CCQ2012L		1	<i>Nguyễn Hồ Phương</i>	7.9	6.5	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120120510	ĐỖ THỊ NHƯ	28/07/2001	CCQ2012O		1	<i>Đỗ Thị Như</i>	6.8	5.5	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120120412	NGUYỄN DINH	07/06/2002	CCQ2012L		1	<i>Nguyễn Đình</i>	7.3	5.5	6.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120120537	LINH THUY	01/07/2002	CCQ2012P		1	<i>Linh Thuy</i>	8.0	6.5	7.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120120511	VÕ THỊ KIM	20/09/2002	CCQ2012O		1	<i>Võ Thị Kim</i>	7.0	6.0	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120120445	HUYỀN THỊ XUÂN	02/11/2002	CCQ2012M		1	<i>Huyền Thị Xuân</i>	6.8	4.5	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120120172	PHAN THỊ	23/05/2002	CCQ2012E		1	<i>Phan Thị</i>	6.9	6.5	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120120447	ĐOÀN NGUYỄN MINH	11/12/2002	CCQ2012M		1	<i>Đoàn Nguyễn Minh</i>	6.3	5.5	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120120415	HỒ THỊ THANH	20/08/2002	CCQ2012L		1	<i>Hồ Thị Thanh</i>	5.5	6.0	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002168

Môn học: **Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 04**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **002**
Ngày thi: **27/06/2022** Giờ: **14:45**
Phòng thi: **A401**

Số SV có mặt: **35**
Số bài thi: **35**
Số tờ giấy thi: **38**

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2
----------------------	----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120120538	LÊ THÙY	29/04/2000	CCQ2012P		1		6,6	5,5	5,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
22	2120120539	NGUYỄN THỊ THÙY	30/11/2002	CCQ2012P		1		8,0	6,5	7,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
23	2120120483	HUYỀN NGUYỄN NGUYỄN TÍNH	20/04/2002	CCQ2012N		1		6,8	6,0	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
24	2120120541	HÒA THỊ HUỖN	13/08/2002	CCQ2012P		1		8,3	7,0	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
25	2120120542	PHẠM THỊ THÙY	25/06/2002	CCQ2012P		1		7,6	6,0	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
26	2120120449	LÊ LAN	01/04/2002	CCQ2012M		1		8,3	7,0	7,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
27	2120120203	TRẦN NGỌC MỸ	29/04/2002	CCQ2012F		1		8,4	6,0	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
28	2120120513	HOÀNG PHI	01/10/2002	CCQ2012O		1		7,0	5,5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
29	2120120516	ĐẶNG THỊ	10/11/2002	CCQ2012O		1		8,8	6,5	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
30	2120120518	VÕ ANH	19/06/2002	CCQ2012O		1		9,4	5,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
31	2120120517	NGUYỄN MẠNH	15/02/2002	CCQ2012O		1		7,2	6,5	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
32	2120120311	NGUYỄN THỊ KIỀU	04/08/2001	CCQ2012I		1		7,6	6,5	6,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
33	2120260210	ĐỖ THỊ TƯỜNG	18/11/2002	CCQ2026B							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
34	2120120519	LÊ HUỖNH QUỐC	04/10/2002	CCQ2012O		1		8,7	7,6	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
35	2120120521	NGUYỄN THỊ XUÂN	27/09/2002	CCQ2012O		1		6,8	6,0	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
36	2120120714	PHẠM HOÀNG NGỌC	04/01/2002	CCQ2012P		1		6,6	7,0	6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002169

Môn học: **Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 06**
Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**
Ngày thi: **27/06/2022**
Phòng thi: **A402**

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

T. Càng

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Trung Kiên</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm Phú Nga</i>	G. Viế
--	---	--------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đã	Chữ ký	E. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120270187	PHẠM THỊ LAN	27/12/2002	CCQ2027F		1	<i>Phạm Thị Lan</i>	5.6	6.0	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120260107	BAN THỊ	19/09/2000	CCQ2026D		1	<i>Ban Thị</i>	6.2	6.0	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120200296	VĂN THỊ CẨM	27/11/2001	CCQ2020I		1	<i>Văn Thị Cẩm</i>	9.3	5.5	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120110109	NGUYỄN THỊ THU	21/08/2002	CCQ2020J		1	<i>Nguyễn Thị Thu</i>	8.2	7.0	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120352	NGÔ VĂN	01/09/2002	CCQ2012K		1	<i>Ngô Văn</i>	6.9	6.0	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120120453	TRẦN NGUYỄN KIỀU	23/04/2002	CCQ2012N							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120200298	ĐẶNG THỊ MỸ	04/01/2002	CCQ2020I		1	<i>Đặng Thị Mỹ</i>	8.5	7.0	7.6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	2120260073	KIỀU NỮ XUÂN	21/03/2001	CCQ2026C		1	<i>Kiều Nữ Xuân</i>	6.2	6.5	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120200143	NGUYỄN VĂN	25/03/2002	CCQ2020E		1	<i>Nguyễn Văn</i>	6.1	3.0	4.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120200342	VÕ THỊ THUY	19/06/2002	CCQ2020J		1	<i>Võ Thị Thuy</i>	7.1	6.0	6.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120110114	NGUYỄN THỊ THU	21/08/2002	CCQ2020J		1	<i>Nguyễn Thị Thu</i>	7.3	6.5	6.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120120689	BÙI THỊ	26/07/2002	CCQ2012R		1	<i>Bùi Thị</i>	2.0	1.2		(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	2120120147	PHẠM THỊ TRÚC	01/05/2002	CCQ2012E		1	<i>Phạm Thị Trúc</i>	8.3	7.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120200347	NGÔ NGỌC	04/12/2002	CCQ2020J		2	<i>Ngô Ngọc</i>	7.4	3.5	5.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120270007	PHAN DUY	14/05/2000	CCQ2027A		2	<i>Phan Duy</i>	5.6	6.5	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	2120120710	NGUYỄN THỊ	21/05/2002	CCQ2012P		1	<i>Nguyễn Thị</i>	8.9	6.5	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2120120185	DƯƠNG TIỂU	26/06/2002	CCQ2012F		1	<i>Dương Tiểu</i>	8.3	7.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2120270178	TRẦN MAI HỒNG	10/07/2002	CCQ2027F		1	<i>Trần Mai Hồng</i>	8.6	7.5	7.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120270108	NGUYỄN THỊ KIM	28/11/2002	CCQ2027D							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120130098	BÙI HỮU	04/11/2002	CCQ2012N		1	<i>Bùi Hữu</i>	5.2	4.0	4.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 06

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2 TỐ: 001

Ngày thi: 27/06/2022 Giờ: 14:45

Phòng thi: A402

Số SV có mặt: 25
Số bài thi: 25
Số tờ giấy thi: 25

Mã nhận dạng: 002169

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2
----------------------	----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tổ đảm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120120645	NGUYỄN TUẤN KIẾT	16/11/2002	CCQ2012E				0			0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	2148120032	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	01/01/2000	CCQ1812A				0			0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	2118120481	PHAN CHÍ LINH	30/09/1997	CCQ1812E				0			0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	2120270154	TÔ THỊ MỸ LINH	08/10/2002	CCQ2027E		1	Nguyễn	6.4	4.5	5.3	0 1 2 3 4 5 6 7
25	2120260119	HUYỀN THỊ NGỌC LÝ	02/02/2002	CCQ2026D		1	nguy	5.2	6.5	6.0	0 1 2 3 4 5 6 7
26	2120120016	LÊ THỊ NGỌC LÝ	10/01/2002	CCQ2012A		1	nguy	9.1	7.5	8.1	0 1 2 3 4 5 6 7
27	2120120370	LÊ THỊ THÚY MAI	20/01/2001	CCQ2012K		1	nguy	7.3	7.5	7.4	0 1 2 3 4 5 6
28	2120270089	VÕ THỊ THÙY NGÂN	27/10/2002	CCQ2027C		1	nguy	7.8	6.5	7.0	0 1 2 3 4 5 6
29	2120270162	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	03/08/2002	CCQ2027E		1	nguy	7.4	6.0	6.6	0 1 2 3 4 5
30	2120120054	NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT	25/12/2001	CCQ2012B		1	nguy	5.3	5.0	5.1	0 1 2 3 4 6

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 06
Đợt thi: HK2, ĐỢT 2
Ngày thi: 27/06/2022
Phòng thi: A304

Tổ: 002
Giờ: 14:45

T Công

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Mã nhận dạng: 002170

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. TH 60%	Điểm HP	Tổ điểm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120120020	ĐẶNG THỊ KIM	09/11/2002	CCQ2012A		1		8.0	7.5	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	2120270163	TRẦN THỊ LINH	07/10/2002	CCQ2027E		1		7.7	6.0	6.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	2120200336	NGUYỄN KIM NHƯ	18/03/2002	CCQ2020I		1		8.2	7.0	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	2120270198	TRẦN VŨ MINH	01/08/2002	CCQ2027F		1		7.4	5.0	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	2120120335	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	19/10/2002	CCQ2012I		1		5.4	6.5	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	2120120024	LÊ VINH QUANG	12/08/1997	CCQ2012A		1		5.8	7.0	6.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	2120200196	ĐINH TRỌNG	20/12/2002	CCQ2020F							
8	2120120635	NGUYỄN THỊ THÚY QUÊN	26/06/2002	CCQ2012C		1		8.3	6.0	6.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	2120270199	HUYỀN THỊ THANH QUÊN	18/11/2002	CCQ2027F		1		8.5	6.0	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	2120270200	ĐẶNG THỊ TẶNG	02/07/2001	CCQ2027F		1		6.8	8.5	7.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	2120270169	THÁI THỊ THANH THẢO	12/10/2002	CCQ2027E		1		6.0	5.0	5.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	2120120536	LÊ QUỐC THẮNG	04/09/2001	CCQ2012P							
13	2120200199	NGUYỄN THỊ Ý THỊ	22/04/2002	CCQ2020F		1		6.2	6.0	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	2120200200	TRẦN THỊ THU	02/10/2002	CCQ2020F		1		6.2	7.5	7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	2120120586	NGUYỄN THANH THU	18/12/2000	CCQ2012P							
16	2120200314	MAI NGUYỄN ANH THU	03/06/2002	CCQ2020I		1		7.6	7.0	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	2118120249	KIỀU THỊ THÙY TRANG	02/10/2000	CCQ1812C		1		6.1	8.0	7.2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
18	2121200182	NGUYỄN THỊ QUẾ TRẦN	06/06/2003	CCQ2120F		1		5.4	6.0	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	2120220010	NGUYỄN VĂN TRÍ	02/12/2001	CCQ2027F		1		6.3	6.0	6.1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	2120120450	LÊ THỊ TRINH	15/06/2002	CCQ2012M		1		8.0	7.0	7.4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G. Viên
----------------------	----------------------	-------------

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002170

Môn học: **Quản trị thương hiệu (226034) - Nhóm 06**Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**Tổ: **002**Ngày thi: **27/06/2022**Giờ: **14:45**Phòng thi: **A304**Số SV có mặt: **24**
Số bài thi: **24**
Số tờ giấy thi: **24+1**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viễn
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ mã đề	Chữ ký	D. QT 40%	D. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120120544	LÊ TRẦN NGỌC	14/02/2002	CCQ2012P		1	<i>[Signature]</i>	7.9	8.0	8.0	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
22	2120200202	NGUYỄN QUỐC TRINH	08/10/1999	CCQ2020F		1	<i>[Signature]</i>	6.9	4.0	5.2	(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
23	2119120170	BÙI VĂN TUẤN	07/11/1997	CCQ1912E							(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
24	2120120546	NGUYỄN THỊ NHẢ	12/02/2002	CCQ2012P		1	<i>[Signature]</i>	7.5	6.5		(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
25	2120260138	MAI NGUYỄN TƯỜNG	14/06/2001	CCQ2026D		1	<i>[Signature]</i>	6.2	7.0		(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
26	2120200205	PHẠM QUỐC VIỆT	03/09/2002	CCQ2020F				3.6			(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
27	2120120656	LÊ THỊ YẾN	16/10/2002	CCQ2012F		1	<i>[Signature]</i>	8.9	8.0		(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
28	2120120313	NGUYỄN PHI YẾN	18/09/2002	CCQ2012I		2	<i>[Signature]</i>	6.5	6.5		(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
29	2120200318	TRẦN THỊ HOÀNG YẾN	05/09/2002	CCQ2020I		1	<i>[Signature]</i>	8.6	6.5		(V) (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9